

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/6/2022

Về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Biểu**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Kim Cúc**

Bà Phan Thị Thanh Dung

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mùi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Trọng Nghĩa** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2022 về: “*Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1993; có mặt

Bị đơn: Ông Đỗ Văn Q, sinh năm: 1990; vắng mặt

Cùng trú tại: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Th trình bày: Tôi và ông Đỗ Văn Q tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau, ông Q không có việc làm, nợ nần, không lo làm ăn nuôi con. Tôi và ông Q đã ly thân hơn một năm. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu Đỗ Nhã U, sinh ngày: 12/8/2018 và Đỗ Phúc T, sinh ngày: 27/4/2020. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Văn Q trình bày tại bản tự khai: Tôi và bà Nguyễn Thị Th tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nay bà Th xin ly hôn tôi không đồng ý.

Về con chung: có 02 cháu Đỗ Nhã U, sinh ngày: 12/8/2018 và Đỗ Phúc T, sinh ngày: 27/4/2020. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Đỗ Văn Q. Giao 02 cháu Đỗ Nhã U, sinh ngày: 12/8/2018 và Đỗ Phúc T1, sinh ngày: 27/4/2020 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu ông Đỗ Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Văn Q, sinh năm: 1990; trú tại: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Đỗ Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Văn Q tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hòa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống thì giữa bà Th và ông Q phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Th là do vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau, ông Q không có việc làm, nợ nần, không lo làm ăn nuôi con. Bà Th và ông Q đã ly thân hơn một năm, nay bà Th xin ly hôn với ông Q. Về phần ông Đỗ Văn Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hoà giải và đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt. Điều này cho thấy ông Q không thật sự mong muốn hòa giải, không mong hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình cùng bà Th. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà Th và ông Q là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc ly hôn với ông Đỗ Văn Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Đỗ Văn Q có 02 cháu Đỗ Nhã Uyên, sinh ngày: 12/8/2018 và Đỗ Phúc Thịnh, sinh ngày: 27/4/2020. Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Th có công việc làm ổn định, có thu nhập hơn nữa từ khi ly thân đến nay thì hai cháu sống cùng với bà Th, cháu T còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định bình thường về vật chất lẫn tinh thần cho các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 cháu Đỗ Nhã U, sinh ngày: 12/8/2018 và Đỗ Phúc T, sinh ngày: 27/4/2020 cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” đối với bị đơn ông Đỗ Văn Q

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Đỗ Văn Q.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 cháu Đỗ Nhã U, sinh ngày: 12/8/2018 và Đỗ Phúc T, sinh ngày: 27/4/2020 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu ông Đỗ Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Th phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Th đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0010960 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Núi Thành;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Biểu

